

BẢN TIN VỀ KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG

Tháng 03

1. Tên nhiệm vụ: Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Cửa Đạt, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp

2. Ngày quan trắc: 28 – 29/3/2025

Ngày cung cấp TT: 30/3/2025

3. Tình trạng hoạt động của các công khi lấy mẫu:

STT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Tình trạng hoạt động của công
1	3	TL. cầu máng Phùng Giáo (Sông Âm)	Công mở.
2	4	TL. công điều tiết Kiên Thọ	Công mở.
3	5	TL. Cùm đầu mối đập Bái Thượng	Công mở.
4	6	TL. Công xả Mực Sơn	Công mở.
5	7	TL. đập điều tiết Bàn Thạch	Công mở.
6	8	TL. đập điều tiết Bột Thượng	Công mở.
7	9	TL. xi phông Bình Trị	Công mở.
8	10	TL. đập điều tiết Phong Lạc	Công mở.
9	11	TL. đập điều tiết Quy Xá	Công mở.
10	12	TL. đập điều tiết Lộc Giang	Công mở.
11	13	TL. Xiphông Mật Sơn	Công mở.
12	14	TL. đập điều tiết Chợ Nhàng	Công mở.
13	15	TL. đập điều tiết Quảng Minh	Công mở.
14	16	TL. đập điều tiết Đại Lý	Công mở.

15	17	TL. đập điều tiết Đồng Lạc	Cống mở.
16	18	TL. xiphông sông Lý	Cống mở.
17	19	TL. công điều tiết Phúc Như	Cống mở.
18	21	TL. đập điều tiết Phương Khê	Cống mở.
19	22	TL. đập điều tiết Cỏ Định	Cống mở.
20	23	TL. Xi phông Nguyễn Thôn	Cống mở.

4. Tổng số vị trí các điểm quan trắc: 23 vị trí

5. Đơn vị thực hiện: Phòng Thí nghiệm và Tư vấn quản lý CLN, Môi trường – Viện Quy hoạch Thủy lợi

Người cung cấp thông tin: Trịnh Xuân Hoàng – Trưởng phòng

6. Đơn vị nhận thông tin: Cục Quản lý và Xây dựng công trình thủy lợi, Công ty TNHH MTV Sông Chu, Ban Quản lý và ĐTXD Thủy lợi 3, Chi cục Thủy lợi Thanh Hóa.

KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG

Bảng tóm tắt:

Căn cứ theo các quy chuẩn: QCVN 08:2023 và số liệu khảo sát hiện trường sơ bộ nhận định về chất lượng nước tại các vị trí quan trắc theo các hạng như sau:

A – Sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt, bơi lội, vui chơi dưới nước (sau khi áp dụng xử lý phù hợp): Thượng lưu hồ Cửa Đạt, Vị trí nuôi cá lồng, TL. cầu máng Phùng Giáo (Sông Âm), TL. công điều tiết Kiên Thọ, TL. Cụm đầu mối đập Bái Thượng, Công xã Mực Sơn, TL. đập điều tiết Bàn Thạch, TL. đập điều tiết Bột Thượng, TL. xi phông Bình Trị, TL. đập điều tiết Phong Lạc, TL. đập điều tiết Quy Xá, TL. đập điều tiết Lộc Giang, TL. Xi phông Mật Sơn, TL. đập điều tiết Chợ Nhàng, TL. đập điều tiết Đồng Lạc, TL. công điều tiết Phúc Như, TL. Xi phông Đô Xá, TL. đập điều tiết Phương Khê, TL. đập điều tiết Cổ Định, TL. Xi phông Nguyễn Thôn.

B – Sử dụng cho mục đích sản xuất nông nghiệp, công nghiệp (sau khi áp dụng xử lý phù hợp): Các vị trí đạt giới hạn trên. TL. đập điều tiết Quảng Minh, TL. đập điều tiết Đại Lý, TL. xi phông sông Lý.

C – Sử dụng cho mục đích sản xuất công nghiệp (sau khi áp dụng xử lý phù hợp), không gây mùi khó chịu: Các vị trí đạt giới hạn trên.

D – Giao thông thủy và các mục đích khác với yêu cầu nước chất lượng thấp: Các vị trí đạt giới hạn trên.

Bảng chi tiết:

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
QCVN 08:2023 - A				6.5 – 8.5		≥ 6					
QCVN 08:2023 - B				6 – 8.5		≥ 5					
QCVN 08:2023 - C				6 – 8.5		≥ 4					
QCVN 08:2023 - D				< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
1	Thượng lưu hồ Cửa Đạt	Đánh giá chất lượng nước hồ Cửa Đạt trước khi đưa về hạ lưu sông Chu tới Bái Thượng.	Trời nhiều mây, nhiệt độ = 31°C, độ ẩm 62%, mật độ mây 80%, gió Đông 8 km/h. Không có dòng chảy. Nước qua thủy điện Cửa Đạt về hạ lưu sông Chu. Nước màu xanh trong.	7.2	1	6.8	0.1	0.070	0.225	70	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức A.
2	Vị trí nuôi cá lồng	Đánh giá chất lượng nước hồ Cửa Đạt tại vị trí nuôi cá lồng.	Trời nhiều mây, nhiệt độ = 31°C, độ ẩm 62%, mật độ mây 80%, gió Đông 8 km/h. Không có dòng chảy. Nước màu xanh, mùi tanh.	7.3	2	6.7	0.1	0.093	0.270	72	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức A.
3	TL. cầu	Đánh giá	Trời nhiều mây,	6.95	1	7.6	0.1	0.062	0.158	75	Các chỉ tiêu

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
		QCVN 08:2023 - A		6.5 – 8.5		≥ 6					
		QCVN 08:2023 - B		6 – 8.5		≥ 5					
		QCVN 08:2023 - C		6 – 8.5		≥ 4					
		QCVN 08:2023 - D		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
	máng Phụng Giáo (Sông Âm)	CLN thượng lưu kênh Bắc Sông Chu – Nam Sông Mã sau khi lấy nước qua thủy điện Dốc Cáy.	nhiệt độ = 28°C, độ ẩm 65%, mật độ mây 90%, gió ĐN 8 km/h. Dòng chảy nhanh, công mở, mực nước cao. Nước màu xanh trong.								quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức A.
4	TL. công điều tiết Kiên Thọ	Đánh giá chất lượng nước trên kênh Bắc Sông Chu – Nam Sông Mã trước khi phân thành 2 nhánh kênh Nam và	Trời nhiều mây, nhiệt độ = 28°C, độ ẩm 65%, mật độ mây 90%, gió ĐN 8 km/h. Dòng chảy nhanh, công mở, mực nước cao. Nước màu xanh trong.	6.9	2	7.45	0.1	0.078	0.203	78	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức A.

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
		QC VN 08:2023 - A		6.5 – 8.5		≥ 6					
		QC VN 08:2023 - B		6 – 8.5		≥ 5					
		QC VN 08:2023 - C		6 – 8.5		≥ 4					
		QC VN 08:2023 - D		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
		kênh tưới cho vùng Bắc Sông Chu – Nam Sông Mã.									
5	TL. Cụm đầu mối đập Bái Thượng	Đánh giá CLN sông Chu trước khi lấy nước vào hệ thống Bái Thượng.	Trời nhiều mây, nhiệt độ = 29°C, độ ẩm 60%, mật độ mây 85%, gió ĐN 8 km/h. Dòng chảy trung bình, công mở. Nước màu xanh trong.	6.72	1	7.1	0.1	0.070	0.191	76	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức A.
6	Cổng xả Mục Sơn	Đánh giá CLN kênh chính sau khi từ Bái Thượng về chảy qua	Trời nhiều mây, nhiệt độ = 30°C, độ ẩm 69%, mật độ mây 80%, gió ĐB 6 km/h. Dòng chảy trung	7.1	1	7.2	0.1	0.085	0.248	76	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức A.

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)		
		QCVN 08:2023 - A		6.5 – 8.5		≥ 6						
		QCVN 08:2023 - B		6 – 8.5		≥ 5						
		QCVN 08:2023 - C		6 – 8.5		≥ 4						
		QCVN 08:2023 - D		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2						
		khu vực Bái Thượng và TT Mục Sơn để xả về tưới cho vùng đồng bằng bên hữu kênh chính.	bình, công mở. Nước màu xanh trong.									
7	TL. đập điều tiết Bàn Thạch	Đánh giá CLN hạ lưu kênh chính khi đã chảy qua các khu dân cư sinh sống xung quanh và trước khi kênh chính phân thành kênh chính	Trời nhiều mây, nhiệt độ = 30°C, độ ẩm 69%, mật độ mây 80%, gió ĐB 6 km/h. Dòng chảy trung bình, công mở, mực nước cao. Nước màu xanh trong.	7.2	1	7.3	0.1	0.078	0.214	74	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức A.	

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
			QCVN 08:2023 - A	6.5 – 8.5		≥ 6					
			QCVN 08:2023 - B	6 – 8.5		≥ 5					
			QCVN 08:2023 - C	6 – 8.5		≥ 4					
			QCVN 08:2023 - D	< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
		Nam và kênh chính Bắc.									
8	TL. đập điều tiết Bột Thượng	Đánh giá CLN thượng lưu kênh tưới C6.	Trời nhiều mây, nhiệt độ = 30°C, độ ẩm 70%, mật độ mây 80%, gió Đông 8 km/h. Dòng chảy trung bình, cống mở. Nước màu xanh trong.	7.53	1	7.25	0.1	0.101	0.203	73	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức A.
9	TL. xi phông Bình Trị	Đánh giá CLN hạ lưu kênh tưới C6.	Trời nhiều mây, nhiệt độ = 28°C, độ ẩm 70%, mật độ mây 80%, gió Nam 3 km/h. Dòng chảy trung bình, cống mở. Nước màu xanh.	7.3	3	6.52	0.1	0.132	0.326	90	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức A.
10	TL. đập	Đánh giá	Trời nhiều mây,	6.95	2	7.1	0.1	0.093	0.270	75	Các chỉ tiêu

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
			<i>QCVN 08:2023 - A</i>	6.5 – 8.5		≥ 6					
			<i>QCVN 08:2023 - B</i>	6 – 8.5		≥ 5					
			<i>QCVN 08:2023 - C</i>	6 – 8.5		≥ 4					
			<i>QCVN 08:2023 - D</i>	< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
	điều tiết Phong Lạc	CLN thượng lưu kênh chính Bắc.	nhiệt độ = 29°C, độ ẩm 65%, mật độ mây 85%, gió ĐN 14 km/h. Dòng chảy trung bình, cống mở, mực nước cao. Nước màu xanh trong.								quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức A.
11	TL. đập điều tiết Quy Xá	Đánh giá CLN đoạn trung lưu kênh chính Bắc trước khi kênh chính Bắc chảy qua huyện Đông Sơn và thành phố Thanh Hóa.	Trời nhiều mây, nhiệt độ = 30°C, độ ẩm 65%, mật độ mây 80%, gió ĐN 14 km/h. Dòng chảy trung bình, cống mở. Nước màu xanh trong. Có nhiều rác trôi trên kênh.	7.12	1	7.4	0.1	0.109	0.349	80	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức A.

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
			QCVN 08:2023 - A	6.5 – 8.5		≥ 6					
			QCVN 08:2023 - B	6 – 8.5		≥ 5					
			QCVN 08:2023 - C	6 – 8.5		≥ 4					
			QCVN 08:2023 - D	< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
12	TL. đập điều tiết Lộc Giang	Đánh giá CLN kênh chính Bắc tại khu vực dân cư phát triển như thị trấn Nhồi huyện Đông Sơn trước khi kênh chính Bắc chảy vào thành phố Thanh Hóa.	Trời nhiều mây, nhiệt độ = 26°C, độ ẩm 90%, mật độ mây 90%, gió ĐN 16 km/h. Dòng chảy trung bình, công mở. Nước màu xanh trong.	7.2	1	7.3	0.1	0.101	0.338	76	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức A.
13	TL. Xiphông Mật Sơn	Đánh giá CLN kênh chính Bắc tại thành phố Thanh Hóa và đánh giá	Trời nhiều mây, nhiệt độ = 26°C, độ ẩm 65%, mật độ mây 90%, gió ĐN 16 km/h. Dòng chảy trung bình, công mở.	8.1	1	7.35	0.1	0.124	0.371	75	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức A.

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
		QCVN 08:2023 - A		6.5 – 8.5		≥ 6					
		QCVN 08:2023 - B		6 – 8.5		≥ 5					
		QCVN 08:2023 - C		6 – 8.5		≥ 4					
		QCVN 08:2023 - D		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
		CLN đầu vào cấp nước cho NMN Mật Sơn.	Nước màu xanh. Có nhiều cò nước, rác thải trôi trên kênh.								
14	TL. đập điều tiết Chợ Nhàng	Đánh giá CLN kênh chính Bắc sau khi chảy qua thành phố Thanh Hóa.	Trời nhiều mây, nhiệt độ = 26°C, độ ẩm 90%, mật độ mây 85%, gió ĐN 16 km/h. Dòng chảy chậm, cống mở. Nước màu xanh.	7.05	5	6.02	0.1	0.233	0.567	95	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức A.
15	TL. đập điều tiết Quảng Minh	Đánh giá CLN hạ lưu kênh chính Bắc.	Trời nhiều mây, nhiệt độ = 26°C, độ ẩm 90%, mật độ mây 85%, gió ĐN 16 km/h. Dòng chảy chậm. Cống mở. Nước màu xanh lục. Khu	7.12	7	5.4	0.1	0.272	0.788	110	Chỉ tiêu quan trắc hiện trường DO không đạt mức B.

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
			QCVN 08:2023 - A	6.5 – 8.5		≥ 6					
			QCVN 08:2023 - B	6 – 8.5		≥ 5					
			QCVN 08:2023 - C	6 – 8.5		≥ 4					
			QCVN 08:2023 - D	< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
			vực thượng lưu công đang được vớt rác.								
16	TL. đập điều tiết Đại Lý	Đánh giá CLN kênh tưới B9 là nhánh của kênh Bắc.	Trời nhiều mây, nhiệt độ = 26°C, độ ẩm 90%, mật độ mây 90%, gió ĐN 16 km/h. Dòng chảy trung bình, công mở. Nước màu xanh trong.	6.9	5	5.1	0.1	0.311	0.698	115	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức B.
17	TL. đập điều tiết Đồng Lạc	Đánh giá CLN kênh tưới B10 là nhánh của kênh Bắc.	Trời nhiều mây, nhiệt độ = 25°C, độ ẩm 80%, mật độ mây 90%, gió Nam 3 km/h. Dòng chảy trung bình, công mở. Nước màu xanh.	7.24	1	6.75	0.1	0.163	0.342	92	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức A.
18	TL.	Đánh giá	Trời nhiều mây,	6.87	1	5.95	0.1	0.210	0.473	90	Các chỉ tiêu

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
			QCVN 08:2023 - A	6.5 – 8.5		≥ 6					
			QCVN 08:2023 - B	6 – 8.5		≥ 5					
			QCVN 08:2023 - C	6 – 8.5		≥ 4					
			QCVN 08:2023 - D	< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
	xiphông sông Lý	CLN kênh tưới B22 là nhánh của kênh Bắc.	nhiệt độ = 25°C, độ ẩm 90%, mật độ mây 90%, gió TN 3 km/h. Dòng chảy chậm, mực nước thấp, cống mở. Nước màu xanh. Dưới kênh có nhiều rác.								quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức B.
19	TL. cống điều tiết Phúc Như	Đánh giá CLN thượng lưu kênh chính Nam.	Trời nhiều mây, nhiệt độ = 29°C, độ ẩm 65%, mật độ mây 85%, gió ĐN 14 km/h. Dòng chảy trung bình, cống mở. Nước màu xanh trong.	6.92	1	7.15	0.1	0.117	0.315	73	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức A.
20	TL. Xi phông	Đánh giá CLN kênh	Trời nhiều mây, nhiệt độ = 29°C, độ	7.1	2	7.12	0.1	0.132	0.270	75	Các chỉ tiêu quan trắc

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
			QCVN 08:2023 - A	6.5 – 8.5		≥ 6					
			QCVN 08:2023 - B	6 – 8.5		≥ 5					
			QCVN 08:2023 - C	6 – 8.5		≥ 4					
			QCVN 08:2023 - D	< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
	Đô Xá	chính Nam trước khi đi qua xi phong Đô Xá.	âm 62%, mật độ mây 80%, gió ĐN 14 km/h. Dòng chảy trung bình, cống mở. Có cỏ nước ở dưới kênh. Nước màu xanh trong.								hiện trường pH, DO đạt mức A.
21	TL. đập điều tiết Phương Khê	Đánh giá CLN kênh chính Nam trước khi qua điều tiết Phương Khê.	Trời nhiều mây, nhiệt độ = 23°C, độ ẩm 95%, mật độ mây 90%, gió TN 3 km/h. Dòng chảy trung bình, cống mở. Nước màu xanh. Có nhiều cỏ nước trôi trên kênh.	7.07	3	7.06	0.1	0.155	0.304	75	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức A.
22	TL. đập điều tiết	Đánh giá CLN hạ lưu	Trời nhiều mây, nhiệt độ = 23°C, độ	6.92	3	6.81	0.1	0.163	0.293	76	Các chỉ tiêu quan trắc

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Ghi chú, nhận xét, khuyến nghị
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
			QCVN 08:2023 - A	6.5 – 8.5		≥ 6					
			QCVN 08:2023 - B	6 – 8.5		≥ 5					
			QCVN 08:2023 - C	6 – 8.5		≥ 4					
			QCVN 08:2023 - D	< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
	Cô Định	kênh chính Nam	âm 94%, mật độ mây 90%, gió TN 3 km/h. Dòng chảy trung bình, cống mở. Dưới kênh có nhiều rác thải và cỏ. Nước màu xanh.								hiện trường pH, DO đạt mức A.
23	TL. Xi phông Nhuyễn Thôn	Đánh giá CLN kênh tưới N8 là nhánh của kênh Nam.	Trời nhiều mây, nhiệt độ = 24°C, độ ẩm 90%, mật độ mây 90%, gió TN 3 km/h. Dòng chảy trung bình, cống mở. Nước màu xanh. Có nhiều rác thải và cỏ trôi trên kênh.	6.9	4	6.52	0.1	0.194	0.326	82	Các chỉ tiêu quan trắc hiện trường pH, DO đạt mức A.

Ghi chú:

QCVN 08:2023 Mức A: Chất lượng nước tốt. Hệ sinh thái trong môi trường nước có hàm lượng oxy hòa tan (DO) cao. Nước có thể sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt, bơi lội, vui chơi dưới nước sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp.

QCVN 08:2023 Mức B: Chất lượng nước trung bình. Hệ sinh thái trong nước tiêu thụ nhiều oxy hòa tan do một lượng lớn chất ô nhiễm. Nước có thể sử dụng cho mục đích sản xuất công nghiệp, nông nghiệp sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp.

QCVN 08:2023 Mức C: Chất lượng nước xấu. Hệ sinh thái trong nước có lượng oxy hòa tan giảm mạnh do chứa một lượng lớn các chất ô nhiễm. Nước không gây mùi khó chịu, có thể được sử dụng cho các mục đích sản xuất công nghiệp sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp.

QCVN 08:2023 Mức D: Nước có chất lượng rất xấu, có thể gây ảnh hưởng lớn tới cá và các sinh vật sống trong môi trường nước do nồng độ oxy hòa tan thấp, nồng độ chất ô nhiễm cao. Nước có thể được sử dụng cho các mục đích giao thông thủy và các mục đích khác với yêu cầu chất lượng nước thấp.

Nơi nhận:

- Cục Quản lý và Xây dựng công trình thủy lợi;
- Cty TNHH MTV KTCTL Sông Chu;
- Ban QL và ĐTXD Thủy lợi 3;
- Chi cục thủy lợi tỉnh Thanh Hóa;
- Lưu phòng TN&TVQLCLN,MT.

Hà Nội, ngày 30 tháng 3 năm 2025

VIỆN QUY HOẠCH THỦY LỢI



PHÓ VIỆN TRƯỞNG

Đào Ngọc Tuấn